

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20201
Lớp ĐCN 4 K10 Mã lớp học 30,714 Thực hành

Môn học: DMH31 Thiết bị điện dân dụng

Giáo viên: ...*Nguyễn Đình Sỹ*...

Số đơn vị học trình: 1

Thời gian TH: Từ ...*22/10*... đến ...*25/11*...

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	CD182456	Đinh Quang Anh	28/01/2000	<i>10</i>		<i>Anh</i>	
2	CD182933	Nguyễn Tuấn Anh	29/04/2000	<i>7</i>		<i>Anh</i>	
3	CD182819	Phạm Quang Thạch Anh	20/09/2000	<i>10</i>		<i>Anh</i>	
4	CD182380	Đoàn Việt Cường	12/12/2000	<i>7</i>		<i>Cường</i>	
5	CD182735	Hoàng Văn Cường	01/09/1994	<i>8</i>		<i>Cường</i>	
6	CD182409	Lê Quý Cường	01/05/1999	<i>8</i>		<i>Cường</i>	
7	CD182142	Hoàng Văn Đô	18/04/2000	<i>10</i>		<i>Đô</i>	
8	CD182905	Nguyễn Trọng Đông	14/05/2000	<i>10</i>		<i>Đông</i>	
9	CD182202	Nguyễn Gia Đức	11/02/2000	<i>10</i>		<i>Đức</i>	
10	CD182137	Phùng Văn Đức	06/11/1999	<i>8</i>		<i>Đức</i>	
11	CD182962	Lê Văn Dũng	04/09/2000	<i>10</i>		<i>Dũng</i>	
12	CD182676	Nguyễn Tùng Dương	10/10/2000	<i>8</i>		<i>Dương</i>	
13	CD183155	Lê Đức Hạnh	06/07/1999	<i>10</i>		<i>Hạnh</i>	
14	CD182213	Bùi Huy Hiếu	29/12/1999	<i>8</i>		<i>Hiếu</i>	
15	CD182129	Phùng Minh Hiếu	15/12/2000	<i>10</i>		<i>Hiếu</i>	
16	CD182227	Tạ Đình Hồng	25/10/1997	<i>9</i>		<i>Hồng</i>	
17	CD171234	Nguyễn Văn Hưởng	20/08/1999	<i>10 (Sai) 06</i>		<i>Hưởng</i>	
18	CD182579	Đinh Phú Cường Huy	25/07/2000	<i>10 06</i>		<i>Huy</i>	
19	CD182279	Vũ Đức Huy	27/06/2000	<i>9 06</i>		<i>Huy</i>	
20	CD182804	Hà Trung Kiên	11/03/2000	<i>10 06</i>		<i>Kiên</i>	
21	CD182479	Trần Trung Kiên	04/11/2000	<i>9</i>		<i>Kiên</i>	
22	CD182404	Đinh Bảo Linh	01/02/2000	<i>9</i>		<i>Linh</i>	
23	CD182745	Ngô Đức Mạnh	22/12/2000	<i>8</i>		<i>Mạnh</i>	
24	CD180788	Tạ Tiến Phong	08/09/2000	<i>9</i>		<i>Phong</i>	
25	CD182164	Dương Văn Quang	18/11/2000	<i>9</i>		<i>Quang</i>	
26	CD182772	Nguyễn Đình Quang	11/04/2000	<i>9</i>		<i>Quang</i>	
27	CD182633	Trần Đức Tài	03/05/2000	<i>8</i>		<i>Tài</i>	
28	CD182740	Đoàn Minh Thắng	12/09/2000	<i>8</i>		<i>Thắng</i>	
29	CD182069	Nguyễn Mạnh Thắng	14/06/2000	<i>—</i>	<i>—</i>	<i>Thắng</i>	<i>Học lại</i>
30	CD182374	Chu Mạnh Thành	02/01/2000	<i>9</i>		<i>Thành</i>	
31	CD182220	Nguyễn Đăng Thìn	29/04/2000	<i>9</i>		<i>Thìn</i>	
32	CD182395	Nguyễn Văn Thủy	06/03/2000	<i>8</i>		<i>Thủy</i>	
33	CD182554	Đinh Thế Tiến	12/10/2000	<i>9</i>		<i>Tiến</i>	
34	CD182406	Nguyễn Văn Tú	05/10/2000	<i>8</i>		<i>Tú</i>	
35	CD182388	Nguyễn Nam Tuấn	25/04/2000	<i>9</i>		<i>Tuấn</i>	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
36	CD183150	Trần Minh Tuấn	23/10/2000	5		Tuấn	
37	CD182417	Tạ Tài Tuệ	16/12/2000	9		Tuệ	
38	CD182512	Lê Thanh Tùng	22/04/2000	8		Tùng	
39	CD182241	Nguyễn Văn Vũ	13/10/2000	8		Vũ	
40	CD182802	Trần Việt Xuân	13/10/2000	9		Xuân	

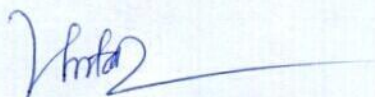
Tổng số SV tham gia thực hành.....39.....

Số sinh viên đạt:.....39.....

Ngày giáo viên nộp điểm:.....

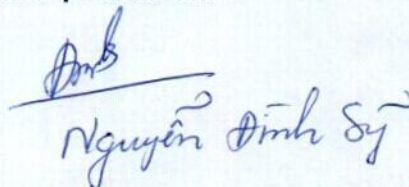
Hạn cuối nộp điểm:.....

PHÒNG ĐÀO TẠO



Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI


Nguyễn Đình Sỹ

TRƯỞNG KHOA



CHỦ NHIỆM KHOA
PGS. Lê Văn Doanh